

1. Câu 1:

Là sản phẩm và là một bộ phận của thế giới, con người có nhu cầu phải nhận thức về thế giới cũng như phải nhận thức về bản thân mình trong mối quan hệ với thế giới để điều chỉnh hoạt động của mình. Kết quả của quá trình nhận thức ấy tạo nên thế giới quan

Như vậy, thế giới quan là toàn bộ những quan điểm, quan niệm của con người về thế giới, về bản thân con người, về cuộc sống và vị trí của con người trong thế giới ấy

Các hình thức của thế giới quan:

Cho đến nay sự phát triển của thế giới quan đã được thể hiện dưới ba hình thức cơ bản:

- Thế giới quan huyền thoại là thế giới quan có nội dung pha trộn một cách không tự giác giữa thực và ảo, được thể hiện qua các câu chuyện thần thoại, phản ánh nhận thức về thế giới của con người trong xã hội công xã nguyên thủy
- Thế giới quan tôn giáo là thế giới quan có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của lực lượng siêu nhiên đối với thế giới, đối với con người, được thể hiện qua các hoạt động có tổ chức để suy tôn, sùng bái lực lượng siêu nhiên ấy
- Thế giới quan triết học là thế giới quan được thể hiện bằng hệ thống lý luận thông qua hệ thống các khái niệm, các phạm trù, các quy luật. Nó không chỉ nêu ra các quan điểm, quan niệm của con người về thế giới và về bản thân con người, mà còn chứng minh các quan điểm, quan niệm đó bằng lý luận

Thế giới quan còn có thể chia thành thế giới quan duy vật và duy tâm, thế giới quan khoa học và phản khoa học

Nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Có thể nhận thức nội dung qua quan điểm duy vật về thế giới nói chung và quan điểm duy vật về xã hội nói riêng

■ a) Quan điểm duy vật về thế giới:

- Khẳng định bản chất vật chất của thế giới: Kế thừa tư tưởng của các nhà triết học duy vật và căn cứ vào các thành tựu của khoa học tự nhiên
- Thế giới thống nhất bởi tính vật chất và vật chất là thực tại khách quan
- Thế giới vật chất tồn tại khách quan độc lập với ý thức con người, quyết định ý thức và được ý thức phản ánh, ý thức là hiện thực khách quan được phản ánh vào bộ não người

■ b) Quan điểm duy vật về xã hội:

- Xã hội là một bộ phận đặc thù của tự nhiên: Chính sự phát triển lâu dài của giới tự nhiên đã dẫn đến sự ra đời của con người và xã hội loài người. Xã hội là sản phẩm phát triển cao nhất và là một bộ phận đặc thù của giới tự nhiên
- Sản xuất vật chất là cơ sở đời sống xã hội: phương thức sản xuất quyết định quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

- Sự phát triển xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên: Với tư cách là một bộ phận đặc thù của thế giới vật chất, sự vận động, phát triển của xã hội vừa chịu sự chi phối của các quy luật chung nhất chi phối toàn bộ thế giới vật chất, vừa chịu sự chi phối của các quy luật riêng của mình như là quy luật về lực lượng sản xuất – quan hệ sản xuất, quy luật về cơ sở hạ tầng – kiến trúc thượng tầng. Những quy luật này làm sự vận động và phát triển của xã hội loài người biểu hiện là một quá trình lịch sử tự nhiên trên nền tảng sản xuất ra của cải vật chất
- Quần chúng nhân dân là chủ thể của lịch sử: Vai trò của quần chúng nhân dân biểu hiện ở chỗ là quần chúng nhân dân là lực lượng trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội, là người sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần

Bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng:

■ a) Quan điểm giải quyết đúng đắn vấn đề cơ bản của triết học:

- Thừa nhận vật chất có trước và quyết định ý thức
- Thừa nhận khả năng nhận thức của con người

Khiếm khuyết chủ yếu của các nhà duy vật trước Mác là thiếu quan điểm thực tiễn. Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo hiện thực mà dạng cơ bản của nó là hoạt động sản xuất vật chất, hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động thực nghiệm khoa học. Bằng việc đưa quan điểm thực tiễn vào hoạt động nhận thức, đặc biệt cho thấy vai trò của hoạt động sản xuất vật chất đối với tồn tại và phát triển của xã hội

■ b) Thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phép biện chứng: Trước Mác, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng bị tách rời nhau

- Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chủ nghĩa duy vật tuy có chứa một số tư tưởng biện chứng nhất định nhưng nhìn chung phương pháp siêu hình giữ vai trò thống trị
- Phép biện chứng duy vật
- Phép biện chứng lại đạt đến đỉnh cao ở chủ nghĩa duy tâm với quan niệm về sự phát triển của “ý niệm tuyệt đối” trong triết học cổ điển Đức
- Thống nhất giữa CNDV và PBC
- Sự thống nhất này đã đem lại cho con người một quan niệm hoàn toàn mới về thế giới – quan niệm thế giới là một quá trình với tính cách là vật chất không ngừng vận động chuyển hóa và phát triển

■ c) Quan điểm duy vật triệt để:

- Quan điểm duy vật về tự nhiên

- Quan điểm duy vật về xã hội và lịch sử
- Chỉ ra mối liên hệ tương tác qua lại giữa tự nhiên và xã hội

■ d) Tính thực tiễn - cách mạng

- Triết học Mác là triết học thực tiễn: “không chỉ giải thích thế giới mà còn cải tạo thế giới”
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng là vũ khí lý luận của giai cấp vô sản
- Phép biện chứng duy vật khẳng định tính cách mạng trong sự phát triển: cái cũ, cái lạc hậu mất đi, cái mới cái tiến bộ tất yếu ra đời thay thế cái cũ

Tư tưởng cơ bản: Chỉ có một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất; trong thế giới vật chất, vật chất là nguồn gốc của ý thức, quyết định ý thức song ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người

Những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và việc vận dụng nó vào sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam giai đoạn hiện nay:

Tôn trọng khách quan:

- Cơ sở của nguyên tắc tôn trọng khách quan là việc thừa nhận thế giới vật chất tồn tại khách quan là đối tượng của nhận thức

■ Các yêu cầu của nguyên tắc tôn trọng khách quan:

- Tôn trọng quy luật khách quan, tôn trọng đối tượng nghiên cứu
- Chống chủ nhận thức chủ quan, chống bệnh chủ quan duy ý chí
- Biểu hiện:
 - Mục đích, đường lối, chủ trương con người đặt ra không được xuất phát từ ý muốn chủ quan mà phải xuất phát từ hiện thực, phản ánh nhu cầu chính muồi và tính tất yếu của đời sống vật chất trong từng giai đoạn cụ thể
 - Tổng kết quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã rút ra kết luận mang tính định hướng là: “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan”
 - Khi đã có mục đích, đường lối, chủ trương đúng đắn, phải tổ chức được lực lượng vật chất để thực hiện nó
 - Ngày nay với quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chúng ta xác định: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội phát huy mọi tiềm năng và mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế và của toàn xã hội”

Phát huy tính năng động chủ quan:

- Cơ sở của nguyên tắc: thừa nhận tính năng động sáng tạo của ý thức
- Các yêu cầu của nguyên tắc phát huy tính năng động chủ quan
 - Tôn trọng tri thức khoa học
 - Phát huy tính năng động, sáng tạo chủ quan
- Chống thái độ thụ động, một chiều, chống chủ nghĩa khách quan trong nhận thức và hành động
- Đối với cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta khẳng định “giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu”, phát huy sáng tạo, tính dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ
- Phải làm chủ tri thức khoa học và truyền bá tri thức khoa học vào quần chúng để nó trở thành tri thức, niềm tin định hướng cho quần chúng hành động

2. Câu 2: Trình bày và phân tích nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển. Hãy phân tích ý nghĩa phương pháp luận được rút ra từ 2 nguyên lý này và việc vận dụng chúng trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.

- Khái niệm mối liên hệ và mối liên hệ phổ biến
 - Khái niệm mối liên hệ phổ biến: dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau ở nhiều sv, ht và có tính chất phổ biến trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. Các mối liên hệ phổ biến là đối tượng nghiên cứu của PBCDV
 - Cơ sở của mối liên hệ phổ biến là tính thống nhất vật chất của thế giới, các sự vật, hiện tượng trong thế giới dù có đa dạng, có khác nhau thì cũng chỉ là những dạng cụ thể khác nhau của một thế giới vật chất duy nhất
 - Các mối liên hệ có tính khách quan, phổ biến và đa dạng, chúng giữ những vai trò khác nhau quy định sự vận động, phát triển của sự vật hiện tượng. Trong hoạt động thực tiễn không nên tuyệt đối hóa mối liên hệ nào và cũng không nên tách rời mối liên hệ này khỏi các mối liên hệ khác, các mối liên hệ phải được nghiên cứu cụ thể trong sự biến đổi và phát triển của chúng
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến khái quát bức tranh toàn cảnh về thế giới trong những mối liên hệ chằng chịt giữa các sự vật, hiện tượng của nó. Từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, con người rút ra được những quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn
 - Tính chất mối liên hệ: tính khách quan, [tính phổ biến](#), tính [đa dạng](#), [phong phú](#) của mối liên hệ
 - Ý nghĩa phương pháp luận:
 - Quán triệt [quan điểm toàn diện](#), [quan điểm lịch sử cụ thể](#)
 - Phải quán triệt toàn diện toàn bộ các mối liên hệ
 - Chú ý các mối liên hệ cơ bản, mối liên hệ bên trong và mối liên hệ bản chất

■ **Chống quan điểm xem xét sự vật hiện tượng phiếm diện một chiều**

- **Khái niệm phát triển:** là một quá trình vận động tiến lên từ thấp lên cao, quá trình đó vừa diễn ra dần dần, vừa có những bước nhảy vọt đưa tới sự ra đời cái mới thay thế cái cũ; Quá trình phát triển không phải lúc nào cũng diễn ra theo đường thẳng, mà quanh co, phức tạp, thậm chí có bước thụt lùi;

- Quá trình phát triển không những có sự biến đổi dần dần về lượng mà có sự nhảy vọt về chất, không phải diễn ra theo đường thẳng, mà theo đường “xoáy ốc”;
- Nguyên nhân của sự phát triển nằm bên trong sự vật. Động lực của sự phát triển là mâu thuẫn giữa các mặt đối lập bên trong sự vật, hiện tượng
- Phát triển là trường hợp đặc biệt của vận động. Trong quá trình phát triển, sự vật, hiện tượng chuyển hóa sang chất mới cao hơn, phức tạp hơn, làm cho cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động và chức năng ngày càng hoàn thiện hơn. Phát triển có tính khách quan, phổ biến và đa dạng.

■ **Ý nghĩa:**

- Quán triệt quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử cụ thể
- Quán triệt quan điểm phát triển, xem xét sự vật hiện tượng trong sự phát triển, thừa nhận cái mới ra đời thay cho cái cũ
- Chống tư duy nhận thức bảo thủ, lạc hậu, tự thỏa mãn
- Chống quan điểm phi lịch sử trong xem xét phát triển

■ **Nguyên tắc toàn diện**

- Cơ sở lý luận là nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
- Nguyên tắc toàn diện đòi hỏi, muốn nhận thức được bản chất của sự vật hiện tượng chúng ta phải xem xét sự tồn tại của nó trong mối liên hệ qua lại giữa các bộ phận, yếu tố, thuộc tính khác nhau trong tính chỉnh thể của sự vật hiện tượng ấy và trong mối liên hệ qua lại giữa sự vật hiện tượng đó với sự vật hiện tượng khác
- Từ quan điểm toàn diện trong nhận thức chúng ta rút ra cách nhìn đồng bộ trong hoạt động thực tiễn: muốn cải tạo sự vật hiện tượng phải áp dụng đồng bộ một hệ thống các biện pháp, phương tiện khác nhau để làm thay đổi các mặt, các mối liên hệ tương ứng của sự vật hiện tượng. Song từng bước, từng giai đoạn phải nắm đúng khâu trọng tâm, then chốt để tập trung lực lượng giải quyết
- Trước đây, trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta phân tích và chỉ rõ hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam là giữa dân tộc với đế quốc xâm lược và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, phong kiến. Trong đó mâu thuẫn với đế quốc xâm lược và tay sai là mâu thuẫn chủ yếu cần tập trung lực lượng giải quyết. Nhờ đó cuộc cách mạng dân tộc dưới dự lãnh đạo của Đảng đã giành thắng lợi trọn vẹn
- Ngày nay, trên cơ sở nhấn mạnh tính tất yếu phải đổi mới cả lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực chính trị, Đảng ta luôn xác định phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt
- Trong thời kỳ đẩy mạnh công cuộc đổi mới của cách mạng Việt Nam hiện nay, nếu không phân tích toàn diện những mối liên hệ tác động, sẽ không đánh giá đúng tính hình và

nhệm vụ cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn cụ thể và không đánh giá hết những khó khăn, thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước.

■ Nguyên tắc phát triển trong nhận thức và thực tiễn:

- Cơ sở là nguyên lý về sự phát triển
- Nguyên tắc phát triển yêu cầu khi xem xét sự vật hiện tượng phải đặt nó trong trạng thái vận động, biến đổi, chuyển hóa để không chỉ nhận thức sự vật, hiện tượng trong trạng thái hiện tại mà còn phải thấy được khuynh hướng phát triển của nó trong tương lai
- Vận dụng nguyên tắc phát triển vào việc nhận thức về con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa ở nước ta có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trên cơ sở phân tích xu hướng thời đại và điều kiện cụ thể của đất nước, Đảng ta luôn kiên định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, phải đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế tuy nhiên cũng chú ý đến các vấn đề xã hội, giải quyết vấn đề công bằng xã hội, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững
- Đảng ta luôn chú ý phát hiện ra các mâu thuẫn và tìm ra phương hướng giải quyết mâu thuẫn để phát triển đất nước. Về nội lực là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và các nguồn lực của các thành phần kinh tế. Về ngoại lực là sức mạnh của thời đại, sức mạnh đoàn kết quốc tế.

■ Nguyên tắc lịch sử - cụ thể:

- Đặc trưng cơ bản của nguyên tắc này là xem xét sự hình thành, tồn tại và phát triển của sự vật hiện tượng trong điều kiện, môi trường cụ thể, hoàn cảnh lịch sử cụ thể
- Vận dụng nguyên tắc lịch sử - cụ thể, từ năm 1930, Đảng ta đã lựa chọn con đường chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Đảng đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững
- Thực hiện tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường
- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường an ninh quốc phòng, bảo vệ và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh

3. Phân tích nội dung quy luật mâu thuẫn của phép biện chứng duy vật? Ý nghĩa phương pháp luận của sự nhận thức quy luật này trong việc phát hiện và phân tích mâu thuẫn ở nước ta hiện nay?

Quy luật mâu thuẫn là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật và là quy luật quan trọng nhất của phép biện chứng duy vật trong triết học Mác - Lênin, là hạt nhân của phép biện chứng. Quy luật này vạch ra nguồn gốc, động lực của sự vận động, phát triển, theo đó nguồn gốc của sự phát triển chính là mâu thuẫn và việc giải quyết mâu thuẫn nội tại trong bản thân mỗi sự vật, hiện tượng.

Nội dung qui luật:

Mọi sự vật, hiện tượng đều chứa đựng những mặt, những khuynh hướng đối lập tạo thành những mâu thuẫn trong bản thân nó, sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc của sự vận động và phát triển, làm cho cái cũ mất đi cái mới ra đời.

Sự phát triển của mâu thuẫn

Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập không tách rời nhau trong quá trình vận động, phát triển của sự vật. Sự thống nhất gắn liền với sự đứng im, với sự ổn định tạm thời của sự vật. Sự đấu tranh gắn liền với tính tuyệt đối của sự vận động và phát triển. Điều đó có nghĩa là sự thống nhất của các mặt đối lập là tương đối, tạm thời; sự đấu tranh của các mặt đối lập là tuyệt đối. Việc hình thành, phát triển và giải quyết mâu thuẫn trải qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn hình thành mâu thuẫn, biểu hiện: đồng nhất nhưng bao hàm sự khác nhau; khác nhau bề ngoài, khác nhau bản chất, mâu thuẫn được hình thành.
- Giai đoạn phát triển của mâu thuẫn, biểu hiện: các mặt đối lập xung đột với nhau; các mặt đối lập xung đột gay gắt với nhau.
- Giai đoạn giải quyết mâu thuẫn, biểu hiện: sự chuyển hóa của các mặt đối lập, mâu thuẫn được giải quyết.

Phân loại mâu thuẫn

Căn cứ vào quan hệ đối với sự vật được xem xét, có thể phân biệt thành mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài.

- Mâu thuẫn bên trong là sự tác động qua lại giữa các mặt, các khuynh hướng đối lập của cùng một sự vật.
- Mâu thuẫn bên ngoài đối với một sự vật nhất định là mâu thuẫn diễn ra trong mối quan hệ sự vật đó với các sự vật khác.

Căn cứ vào ý nghĩa đối với sự tồn tại và phát triển của toàn bộ sự vật, mâu thuẫn được chia thành mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản:

- Mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, quy định sự phát triển ở tất cả các giai đoạn của sự vật, nó tồn tại trong suốt quá trình tồn tại các sự vật. Mâu thuẫn cơ bản được giải quyết thì sự vật sẽ thay đổi cơ bản về chất.

- Mâu thuẫn không cơ bản là mâu thuẫn chỉ đặc trưng cho một phương diện nào đó của sự vật, nó không quy định bản chất của sự vật. Mâu thuẫn đó nảy sinh hay được giải quyết không làm cho sự vật thay đổi căn bản về chất.

Căn cứ vào vai trò của mâu thuẫn đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật trong một giai đoạn nhất định, các mâu thuẫn được chia thành mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu.

- Mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn nổi lên hàng đầu của một giai đoạn phát triển nhất định của sự vật và chi phối các mâu thuẫn khác trong giai đoạn đó. Việc giải quyết mâu thuẫn chủ yếu tạo điều kiện giải quyết từng bước mâu thuẫn cơ bản.

- Mâu thuẫn thứ yếu là những mâu thuẫn ra đời và tồn tại trong một giai đoạn phát triển nào đó của sự vật nhưng nó không đóng vai trò chi phối mà bị mâu thuẫn chủ yếu chi phối. Giải quyết mâu thuẫn thứ yếu là góp phần vào việc từng bước giải quyết mâu thuẫn chủ yếu.

Căn cứ vào tính chất của các quan hệ lợi ích, mâu thuẫn được chia thành mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng.

Mâu thuẫn đối kháng là mâu thuẫn giữa những giai cấp những tập đoàn người, có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Như là: Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, giữa vô sản với tư sản....

Mâu thuẫn không đối kháng là mâu thuẫn giữa những lực lượng xã hội có lợi ích cơ bản thống nhất với nhau, chỉ đối lập về những lợi ích không cơ bản, cục bộ, tạm thời. Giải quyết mâu thuẫn đối kháng phải bằng phương pháp đối kháng.

Ý nghĩa phương pháp luận:

Phải thừa nhận tính khách quan của mâu thuẫn, yêu cầu đòi hỏi chúng ta phải biết phân tích các mặt đối lập của mâu thuẫn, nắm được bản chất của sự vật, khuynh hướng vận động và phát triển của chúng.

Phải xác định đúng trạng thái chín muồi của mâu thuẫn, tìm ra phương thức, phương tiện và lực lượng có khả năng giải quyết mâu thuẫn; không nên giải quyết mâu thuẫn một cách vội vàng khi chưa đủ điều kiện.

Trong quá trình hoạt động nhận thức và thực tiễn, cần phân biệt đúng vai trò, vị trí của các loại mâu thuẫn trong từng hoàn cảnh, điều kiện nhất định: những đặc điểm của mâu thuẫn đó để tìm ra phương pháp giải quyết từng loại mâu thuẫn một cách đúng đắn nhất.

Mâu thuẫn phải được giải quyết bằng con đường đấu tranh dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy loại mâu thuẫn mà có phương pháp giải quyết cụ thể; không thủ tiêu, né tránh, điều hòa mâu thuẫn.

Trong xây dựng đơn vị và tu dưỡng rèn luyện cá nhân phải đề cao phê bình và tự phê bình, tránh dễ dãi, xuôi chiều.

4. Phân tích nội dung quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại? Ý nghĩa phương pháp luận của sự nhận thức quy luật này trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?

Vị trí của quy luật: Đây là 1 trong 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật nó chỉ rõ cách thức của quá trình vận động phát triển của sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan.

Phân tích nội dung của quy luật:

1.1- Khái niệm về chất

Chất là tính quy định vốn có của sự vật hiện tượng được biểu hiện thông qua các thuộc tính và đặc điểm cấu trúc của sự vật. Tính quy định là cái vốn có của sự vật, hiện tượng để phân biệt sự vật này với sự vật khác. Tính quy định này được thể hiện thông qua các thuộc tính. Có thuộc tính cơ bản và không cơ bản. Thuộc tính cơ bản quy định chất của sự vật. Nếu thuộc tính cơ bản mất đi thì chất của sự vật thay đổi. Còn thuộc tính không cơ bản thì trong quá trình tồn tại của sự vật, có những thuộc tính không cơ bản mới nảy sinh và có những thuộc tính không cơ bản mất đi nhưng chất của sự vật không thay đổi. Thuộc tính chỉ bộc lộ thông qua quan hệ với sự vật khác. Trong sự vật, hiện tượng, chất không tách rời với lượng

1.2-Lượng của sự vật

Là tính quy định vốn có của sự vật, hiện tượng, chỉ rõ về mặt quy mô, tốc độ, trình độ phát triển của sự vật, hiện tượng. Nói đến lượng sự vật tức là sự vật đó lớn hay bé, tốc độ phát triển nhanh hay chậm, trình độ cao hay thấp...v.v..đo bằng các đại lượng cụ thể, bằng số tuyệt đối như trong lượng, thể tích hoặc so sánh với vật thể khác, thời kỳ này với thời kỳ khác. Ví dụ tốc độ của ánh sáng là 300.000km/giây, một cái bàn có chiều cao 80 phân, một nước có 50 triệu dân...v.v

1.3- Khái niệm về Độ

Độ là giới hạn mà trong đó lượng biến đổi chưa gây nên sự thay đổi căn bản về chất. Sự vật vẫn là nó, mọi sự vật hiện tượng đều tồn tại trong một độ thích hợp khi lượng biến đổi vượt quá giới hạn độ thì sự vật không còn là nó. Trong phạm vi một độ nhất định hai mặt chất và lượng tác động qua lại lẫn nhau làm cho sự vật vận động. Mọi sự thay đổi về lượng đều có ảnh hưởng đến trạng thái chất của sự vật, nhưng không phải những thay đổi về lượng nào cũng dẫn đến thay đổi về chất. Chỉ trong trường hợp khi sự thay đổi về lượng đạt tới mức phá vỡ độ cũ thì chất của sự vật mới thay đổi, sự vật chuyển thành sự vật khác.

1.4-Điểm nút

Là điểm mà tại đó lượng biến đổi đã gây nên sự thay đổi căn bản, tập hợp những điểm nút gọi là đường nút.

1-5-Bước nhảy

Sự thay đổi căn bản về chất, cái cũ mất đi cái mới ra đời phải thông qua bước nhảy.

Bước nhảy là một phạm trù triết học dùng để chỉ sự biến đổi căn bản từ chất sự vật này sang chất của sự vật khác.

+ Bước nhảy đột biến là bước nhảy xảy ra trong thời gian ngắn làm thay đổi bản chất của sự vật. Bước nhảy này diễn ra bằng một sự bùng nổ mãnh liệt. VD cách mạng tháng Mười Nga là một bước nhảy đột biến.

+ Bước nhảy dần dần là bước nhảy được thực hiện bằng việc loại bỏ dần những yếu tố, những bộ phận chất cũ xảy ra trong một thời gian dài mới loại bỏ hoàn toàn chất cũ thành chất mới.

2- Nội dung quy luật từ những thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.

Sự phát triển của mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội cũng như sự phát triển nhận thức tư duy con người đều đi từ sự thay đổi dần về lượng được tích lũy lại khi vượt quá giới hạn độ tới điểm nút thì gây nên sự thay đổi căn bản về chất. Sự vật cũ mất đi, sự vật mới ra đời thay thế.

Sở dĩ như vậy là vì chất và lượng là hai mặt đối lập vốn có của sự vật hiện tượng. Lượng thì thường xuyên biến đổi, còn chất tương đối ổn định. Do đó sự phát triển của lượng tới một lúc nào đó thì mâu thuẫn với chất cũ. Khi chất cũ kìm hãm thì qua đó nảy sinh yêu cầu tất yếu phải phá vỡ chất cũ, mở ra một độ mới để mở đường cho lượng phát triển. Sự chuyển hoá từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất, diễn ra một cách phổ biến trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

Quy luật này còn có chiều ngược lại, tức là không chỉ thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất mà sau khi chất mới ra đời do sự biến đổi về lượng gây nên thì chất đó lại quy định sự biến đổi về lượng, ảnh hưởng của chất mới đến lượng thể hiện ở quy mô, mức độ, nhịp điệu phát triển mới.

Nội dung quy luật này được phát biểu như sau

Mọi sự vật hiện tượng đều vận động, phát triển bằng cách thay đổi dần về lượng, lượng thay đổi đến một lúc nào đó vượt quá độ tồn tại của sự vật tới điểm nút thì diễn ra bước nhảy, tạo sự thay đổi về chất của sự vật. Kết quả là sự vật cũ, chất cũ mất đi và sự vật mới, chất mới ra

đời. Chất mới lại tác động trở lại lượng mới, lượng mới lại tiếp tục thay đổi dần, đến lúc nào đó, vượt quá độ tồn tại của sự vật tới điểm nút thì lại diễn ra bước nhảy tạo sự thay đổi về chất, cứ như vậy sự tác động qua lại giữa hai mặt chất và lượng tạo ra con đường vận động, phát triển không ngừng của mọi sự vật, hiện tượng.

Ý nghĩa phương pháp luận

- Nước ta đang quá độ lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển của CNTB, việc nhận thức đúng đắn quy luật lượng- chất sẽ có ý nghĩa rất lớn trong quá trình hình thành và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Sự vận động và phát triển của sự vật bao giờ cũng diễn ra bằng cách tích lũy dần dần về lượng đến một giới hạn nhất định thực hiện bước nhảy chuyển hóa về chất do đó trong hoạt động thực tiễn về nhận thức chúng ta từng bước tích lũy về lượng để làm biến đổi về chất theo quy luật tránh tư tưởng chủ quan nóng vội đốt cháy giai đoạn.

- Vì bất kỳ sự vật, hiện tượng nào cũng có phương diện chất và lượng tồn tại trong tính quy định lẫn nhau, tác động và làm chuyển hóa lẫn nhau, do đó, trong nhận thức và thực tiễn cần phải coi trọng cả hai loại chỉ tiêu về phương diện chất và lượng, tạo nên sự nhận thức toàn diện về sự vật, hiện tượng.

- Phải nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại tránh tư tưởng tả khuynh và hữu khuynh. Tả khuynh chính là hành động bất chấp quy luật, chủ quan, duy ý chí, không tích lũy về lượng mà chỉ chú trọng thực hiện những bước nhảy liên tục về chất. Hữu khuynh là sự biểu hiện tư tưởng bảo thủ, trì trệ, không dám thực hiện bước nhảy mặc dù lượng đã tích lũy tới điểm nút và quan niệm phát triển chỉ đơn thuần là sự biến hóa về lượng.

- Cần có thái độ khách quan khoa học và quyết tâm thực hiện các bước nhảy khi có đầy đủ các điều kiện.

- Đặc biệt, trong đời sống xã hội, quá trình phát triển không chỉ phụ thuộc vào điều kiện khách quan, mà còn phụ thuộc vào nhân tố chủ quan của con người. Do đó, cần phải nâng cao tính tích cực, chủ động của chủ thể để thúc đẩy quá trình chuyển hóa từ lượng đến chất một cách có hiệu quả nhất.

5. Phân tích nội dung quy luật phủ định của phủ định? Ý nghĩa phương pháp luận của sự nhận thức quy luật này trong việc xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta hiện nay?

Quy luật phủ định của phủ định là quy luật về khuynh hướng cơ bản, phổ biến của mọi vận động, phát triển diễn ra trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy: đó là khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng thông qua những lần phủ định biện chứng, tạo thành hình thức mang tính chu kỳ "phủ định của phủ định".

Khái niệm phủ định, phủ định biện chứng

Thế giới vận động và phát triển không ngừng, vô cùng, vô tận. Sự vật, hiện tượng sinh ra, tồn tại, phát triển rồi mất đi, được thay thế bằng sự vật, hiện tượng khác; thay thế hình thái tồn tại này bằng hình thái tồn tại khác của cùng một sự vật, hiện tượng trong quá trình vận động, phát triển của nó. Sự thay thế đó gọi là sự phủ định.

Mọi quá trình vận động và phát triển trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội hay tư duy đều diễn ra thông qua những sự phủ định, trong đó có những sự phủ định chấm dứt sự phát triển, nhưng cũng có những sự phủ định tạo ra điều kiện, tiền đề cho quá trình phát triển. Những sự phủ định tạo ra điều kiện, tiền đề cho quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng được gọi là sự phủ định biện chứng.

Với tư cách không chỉ là học thuyết về sự biến đổi nói chung mà căn bản là học thuyết về sự phát triển phép biện chứng duy vật chú trọng phân tích không chỉ sự phủ định nói chung mà căn bản là sự phủ định biện chứng.

Phủ định biện chứng có hai đặc điểm cơ bản là tính khách quan và tính kế thừa.

Phủ định biện chứng có tính khách quan vì nguyên nhân của sự phủ định nằm trong chính bản thân sự vật, hiện tượng; nó là kết quả của quá trình đấu tranh giải quyết mâu thuẫn tất yếu, bên trong bản thân sự vật, hiện tượng; tạo khả năng ra đời của cái mới thay thế cái cũ, nhờ đó tạo nên xu hướng phát triển của chính bản thân nó. Vì thế, phủ định biện chứng cũng chính là sự tự thân phủ định.

Phủ định biện chứng có tính kế thừa: kế thừa những nhân tố hợp quy luật và loại bỏ nhân tố trái quy luật. Phủ định biện chứng không phải là sự phủ định sạch trơn cái cũ, mà trái lại trên cơ sở những hạt nhân hợp lý của cái cũ để phát triển thành cái mới, tạo nên tính liên tục của sự phát triển. Đó là sự phủ định mà trong đó cái mới hình thành và phát triển tự thân, thông qua quá trình lọc bỏ mặt tiêu cực, lỗi thời, giữ lại những nội dung tích cực. Bởi vậy, phủ định biện chứng là khuynh hướng tất yếu của mối liên hệ bên trong giữa cái cũ và cái mới, là sự tự khẳng định của các quá trình vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng.

Phủ định của phủ định

Trong sự vận động vĩnh viễn của thế giới vật chất, phủ định biện chứng là một quá trình vô tận, tạo nên khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng từ trình độ thấp đến trình độ cao hơn, diễn ra có tính chất chu kỳ theo hình thức "xoáy ốc".

Trong chuỗi phủ định tạo nên quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng, mỗi lần phủ định biện chứng đều tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự phát triển tiếp theo của nó. Trải qua nhiều lần phủ định, tức "phủ định của phủ định" sẽ tất yếu dẫn tới kết quả là sự vận động theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng.

Tính chất chu kỳ của các quá trình phát triển thường diễn ra theo hình thức "xoáy ốc", đó cũng là tính chất "phủ định của phủ định". Theo tính chất này, mỗi chu kỳ phát triển của sự vật, hiện tượng thường trải qua hai lần phủ định cơ bản với của hình thái tồn tại chủ yếu của nó, trong đó hình thái cuối mỗi chu kỳ lặp lại những đặc trưng cơ bản của hình thái ban đầu chu kỳ đó nhưng trên cơ sở cao hơn về trình độ phát triển nhờ kế thừa được những nhân tố tích cực và loại bỏ được những nhân tố tiêu cực qua hai lần phủ định biện chứng.

Quy luật phủ định của phủ định khái quát tính chất chung, phổ biến của sự phát triển: đó không phải là sự phát triển theo hình thức một con đường thẳng, mà là phát triển theo hình thức con đường "xoáy ốc".

Khuynh hướng phát triển theo đường xoáy ốc thể hiện tính chất biện chứng của sự phát triển, đó là tính kế thừa, tính lặp lại và tính tiến lên. Mỗi vòng mới của đường xoáy ốc cũng như lặp lại, nhưng với một trình độ cao hơn. Sự tiếp nối của các vòng trong đường xoáy ốc phản ánh quá trình phát triển vô tận từ thấp đến cao của sự vật, hiện tượng trong thế giới. Trong quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng phủ định biện chứng đã đóng vai trò là những "vòng khâu" của quá trình đó.

Tóm lại, nội dung cơ bản của quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng duy vật phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa cái phủ định và cái khẳng định trong quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng. Phủ định biện chứng là điều kiện cho sự phát triển, cái mới ra đời là kết quả của sự kế thừa những nội dung tích cực từ trong sự vật, hiện tượng cũ, phát huy nó trong sự vật, hiện tượng mới và tạo nên tính chu kỳ của sự phát triển.

Ý nghĩa của phương pháp luận:

Quá trình phủ định mang tính đi lên, vì vậy trong hoạt động thực tiễn cần phải có niềm tin vào xu hướng của sự phát triển.

Chu kỳ sau bao giờ cũng tiến bộ hơn chu kỳ trước. trong sự thay thế đó có sự tác động của các nhân tố chủ quan của con người, vì vậy trong hoạt động thực tiễn cần phải phát huy tính năng động sáng tạo, phát hiện những cái mới thay thế những cái cũ lỗi thời.

Phủ định mang tính kế thừa, vì vậy trong hoạt động thực tiễn cần phải kế thừa những yếu tố tích cực. Kế thừa phát triển những tinh hoa văn hoá của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Loại bỏ những hủ tục lạc hậu, những tư tưởng lỗi thời mang tính bảo thủ.

Trong quá trình đổi mới của nước ta cùng đều diễn ra theo chiều hướng đó. Nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự quản lý điều tiết của nhà nước tạo tiền đề phủ định nền kinh tế tập trung, bao cấp đặt nền móng cho xã hội phát triển cao hơn nó trong tương lai đó là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên ở mỗi mô hình đều có đặc điểm riêng, do đó, chúng ta đã nhận thức được vấn đề và đã có cách thức tác động phù hợp với sự phát triển của thực tiễn đất nước, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế và từng bước xóa bỏ đói nghèo nhưng không vì thế mà chúng ta không trân trọng cái cũ.

Chúng ta đã biết giữ hình thức cải tạo nội dung, biết kế thừa và sử dụng đặc trưng tiến bộ của nền kinh tế tập trung là tiền đề để phát triển nền kinh tế thị trường trên cơ sở đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa chính vì vậy mới có kết quả đáng mừng của 20 năm đổi mới.

6. Trình bày quan niệm của triết học Mác – Lênin về thực tiễn? **Những nội dung của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn?** Ý nghĩa phương pháp luận của quan niệm này trong việc nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta?

Thực tiễn: Là phạm trù triết học chỉ toàn bộ hoạt động của vật chất - cảm tính có tính chất lịch sử - xã hội của con người nhằm mục đích biến đổi tự nhiên và xã hội.

* Thực tiễn có những đặc trưng sau:

- Là hoạt động vật chất chứ không phải là hoạt động tinh thần. Hoạt động vật chất là hoạt động mà con người dùng lực lượng vật chất, công cụ vật chất tác động vào đối tượng vật chất để làm biến đổi chúng.
- Thực tiễn mang tính lịch sử - xã hội
- Thực tiễn có tính mục đích nhằm cải tạo tự nhiên và XH

* Thực tiễn có 3 hình thức cơ bản: Sản xuất vật chất; hoạt động cải tạo (biến đổi) chính trị xã hội và hoạt động thực nghiệm khoa học - kỹ thuật. Trong đó, sản xuất vật chất là có sớm nhất, quan trọng nhất, quyết định hình thức kia. Hai hình thức kia có ảnh hưởng quan trọng tới sản xuất vật chất.

Lý luận là hệ thống những tri thức được khái quát từ thực tiễn, phản ánh những mối liên hệ bản chất, những quy luật của các sự vật, hiện tượng

Những nội dung của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn:

Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn bắt nguồn từ mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan. Con người luôn luôn tác động vào thế giới khách quan, tự nhiên và xã hội, cải biến thế giới khách quan bằng thực tiễn. Trong quá trình đó, sự phát triển nhận thức của con người và sự biến đổi thế giới khách quan là hai mặt thống nhất. Điều đó quy định sự thống nhất biện chứng giữa lý luận với thực tiễn trong hoạt động sinh tồn của cá nhân và cộng đồng

Thực tiễn là cơ sở, là động lực, là mục đích và tiêu chuẩn của lý luận. Lý luận hình thành, phát triển phải xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn:

Thực tiễn là cơ sở của lý luận: Xét một cách trực tiếp, những tri thức được khái quát thành lý luận là kết quả của quá trình hoạt động thực tiễn của con người. Thông qua kết quả hoạt động thực tiễn, kể cả thành công cũng như thất bại, con người phân tích cấu trúc, tính chất và các mối quan hệ của các yếu tố, các điều kiện trong các hình thức thực tiễn để hình thành lý luận. Quá trình hoạt động thực tiễn còn là cơ sở để bổ sung và điều chỉnh những lý luận đã được khái quát. Mặt khác, hoạt động thực tiễn của con người làm nảy sinh những vấn đề mới đòi hỏi quá trình nhận thức phải tiếp tục giải quyết. Thông qua đó, lý luận được bổ sung, mở rộng.

Thực tiễn là động lực của lý luận: Hoạt động của con người không chỉ là nguồn gốc để hoàn thiện các cá nhân mà còn góp phần hoàn thiện các mối quan hệ của con người với tự

nhân, với xã hội. Lý luận được vận dụng làm phương pháp cho hoạt động thực tiễn, mang lại lợi ích cho con người càng kích thích con người tích cực bám sát thực tiễn để khái quát lý luận.

Thực tiễn là mục đích của lý luận: Mặc dù lý luận cung cấp những tri thức khái quát về thế giới để làm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết của con người nhưng mục đích chủ yếu của lý luận là nâng cao năng lực hoạt động của con người trước hiện thực khách quan để đưa lại lợi ích cao hơn, thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của cá nhân và xã hội. Tức lý luận phải đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tiễn của con người.

Thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý của lý luận: Tính chân lý của lý luận chính là sự phù hợp của lý luận với hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm. Mọi lý luận phải thông qua thực tiễn để kiểm nghiệm. Thông qua thực tiễn, những lý luận đạt đến chân lý sẽ được bổ sung vào kho tàng tri thức nhân loại, những kết luận chưa phù hợp thực tiễn thì tiếp tục điều chỉnh, bổ sung hoặc nhận thức lại.

Thực tiễn phải được chỉ đạo bởi lý luận, ngược lại lý luận phải được vận dụng vào thực tiễn, tiếp tục bổ sung và phát triển trong thực tiễn

Lý luận đóng vai trò soi đường cho thực tiễn vì lý luận có khả năng định hướng mục tiêu, xác định lực lượng, phương pháp, biện pháp thực hiện. Lý luận còn dự báo được khả năng phát triển cũng như các mối quan hệ của thực tiễn, dự báo những rủi ro có thể xảy ra, những hạn chế, những thất bại có thể có trong quá trình hoạt động. Như vậy, lý luận không chỉ giúp con người hoạt động hiệu quả mà còn là cơ sở để khắc phục những hạn chế và tăng năng lực hoạt động của con người.

Mặc dù lý luận mang tính khái quát cao song nó còn có tính lịch sử, cụ thể. Do đó, khi vận dụng lý luận, chúng ta cần phân tích một cách cụ thể mỗi tình hình cụ thể. Mục đích của lý luận không chỉ là phương pháp mà còn định hướng cho hoạt động thực tiễn. Đó là định hướng mục tiêu, biện pháp sử dụng lực lượng, định hướng giải quyết các mối quan hệ trong hoạt động thực tiễn, định hướng mô hình hoạt động của thực tiễn.

Vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn giúp dự báo các diễn biến, các mối quan hệ, lực lượng tiến hành và những phát sinh của nó trong quá trình phát triển để phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế những yếu tố tiêu cực nhằm đạt kết quả cao hơn

Lý luận tuy là logic của thực tiễn, song lý luận có thể lạc hậu so với thực tiễn. Vận dụng lý luận vào thực tiễn đòi hỏi chúng ta phải bám sát diễn biến của thực tiễn để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi lý luận cho phù hợp với thực tiễn.

Ý nghĩa phương pháp luận:

Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn có ý nghĩa phương pháp luận to lớn, đặc biệt là đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta hiện nay.

Lý luận phải luôn luôn bám sát thực tiễn, phản ánh được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những yêu cầu của thực tiễn. Nếu lý luận nào đó không phản ánh đúng nhu cầu của thực tiễn, không phù hợp thực tiễn thì sớm hay muộn, lý luận đó sẽ bị bác bỏ.

Từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và lịch sử phát triển của chủ nghĩa xã hội thế giới, Đảng ta khẳng định: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”

Hoạt động thực tiễn phải lấy lý luận chỉ đạo, khi vận dụng lý luận phải phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể

Lý luận không chỉ phản ánh thực tiễn dưới dạng quy luật mà còn có khả năng trở thành phương pháp luận cho thực tiễn. Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng của mình. Chính vì chủ nghĩa Mác – Lênin là hệ thống lý luận không chỉ được hình thành trong những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, sự phát triển của khoa học tự nhiên cũng như những thành tựu của lý luận của thế kỉ XVIII – XIX mà còn được khái quát từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng lao động và phù hợp với thực tiễn của thời đại. Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, coi trọng lý luận chính là vận dụng sáng tạo các tri thức khoa học nhân loại đã đạt được vào điều kiện cụ thể của đất nước.

Khắc phục bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều. Nước ta vốn là nước nông nghiệp, thực trạng của một nền kinh tế truyền thống, nền kinh tế dựa vào kinh nghiệm truyền từ đời này sang đời khác, điều đó dễ dẫn đến tư duy chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, ít coi trọng lý luận. Để khắc phục bệnh kinh nghiệm hiệu quả, một mặt phải quán triệt sâu sắc nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, tức là bám sát thực tiễn, tăng cường học tập, nâng cao trình độ lý luận, vận dụng lý luận phù hợp thực tiễn, mặt khác phải hoàn thiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do giáo điều mà lý luận không mang lại hiệu quả cho hoạt động thực tiễn, làm mất lòng tin đối với vai trò của lý luận nói chung, đối với chủ nghĩa Mác – Lênin cũng như đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng. Để khắc phục bệnh giáo điều, chúng ta phải quán triệt sâu sắc nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Lý luận phải luôn luôn gắn với thực tiễn, phải kiểm tra trong thực tiễn và không ngừng phát triển sáng tạo cùng với thực tiễn.

7. Hãy phân tích nội dung quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất? Vận dụng quy luật này luận chứng tính tất yếu của sự tồn tại và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

a) Khái niệm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất

Bất kỳ một quá trình sản xuất vật chất nào cũng cần phải có các nhân tố thuộc về người lao động (như năng lực, kỹ năng, tri thức,... của người lao động) cùng các tư liệu sản xuất nhất định (như đối tượng lao động: công cụ lao động, các tư liệu phục vụ của quá trình sản xuất....). Toàn bộ các nhân tố đó tạo thành lực lượng sản xuất của các quá trình sản xuất. Lực lượng sản xuất là tổng hợp các yếu

tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn, phát triển của con người. Như vậy, lực lượng sản xuất là những nhân tố có tính sáng tạo và tính sáng tạo đó có tính lịch sử.

Lực lượng sản xuất là nhân tố cơ bản, tất yếu tạo thành nội dung vật chất của quá trình sản xuất, không một quá trình sản xuất hiện thực nào có thể diễn ra nếu thiếu một trong hai nhân tố là người lao động và tư liệu sản xuất. Thế nhưng, chỉ có lực lượng sản xuất vẫn chưa thể diễn ra quá trình sản xuất hiện thực được, mà còn cần phải có những quan hệ sản xuất đóng vai trò là hình thức xã hội của quá trình sản xuất ấy.

Quan hệ sản xuất là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (sản xuất và tái sản xuất xã hội). Quan hệ sản xuất bao gồm: quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất, quan hệ trong tổ chức - quản lý quá trình sản xuất và quan hệ trong phân phối kết quả của quá trình sản xuất đó. Những quan hệ sản xuất này tồn tại trong mối quan hệ thống nhất và chi phối, tác động lẫn nhau trên cơ sở quyết định của quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất.

b) Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ thống nhất biện chứng, trong đó lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất và quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất.

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt cơ bản, tất yếu của quá trình sản xuất, trong đó lực lượng sản xuất là nội dung vật chất của quá trình sản xuất, còn quan hệ sản xuất là "hình thức xã hội" của quá trình đó. Trong đời sống hiện thực, không có sự kết hợp các nhân tố của quá trình sản xuất để tạo ra năng lực thực tiễn cải biến các đối tượng vật chất tự nhiên nào có thể diễn ra bên ngoài những hình thức kinh tế nhất định. Ngược lại, cũng không có 1 quá trình sản xuất nào có thể diễn ra trong đời sống hiện thực chỉ với những quan hệ sản xuất không có nội dung vật chất của nó. Như vậy, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại trong tính quy định lẫn nhau, thống nhất với nhau.

Tương ứng với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất cũng tất yếu đòi hỏi phải có quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ đó trên cả ba phương diện: sở hữu tư liệu sản xuất, tổ chức — quản lý quá trình sản xuất và phân phối kết quả của quá trình sản xuất. Chỉ có như vậy, lực lượng sản xuất mới có thể được duy trì, khai thác — sử dụng và không ngừng phát triển. Ngược lại, lực lượng sản xuất của một xã hội chỉ có thể được duy trì, khai thác-sử dụng và phát triển trong một hình thức kinh tế - xã hội nhất định.

Mối quan hệ thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tuân theo tính tất yếu khách quan: quan hệ sản xuất phải phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong mỗi giai đoạn lịch sử xác định, bởi vì, sự vận động, phát triển của lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất. Tuy nhiên, quan hệ sản xuất, với tư cách là hình thức kinh tế - xã hội của quá trình sản xuất, luôn luôn có khả năng tác động trở lại sự vận động, phát triển của lực lượng sản xuất. Sự tác động này có thể diễn ra theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực, điều đó phụ thuộc vào tính phù hợp hay không phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của phát triển của lực lượng sản xuất. Nếu phù hợp sẽ có tác dụng tích cực và ngược lại, không phù hợp sẽ có tác dụng tiêu cực.

- Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ thống nhất có bao hàm khả năng chuyển hóa thành các mặt đối lập và phát sinh mâu thuẫn.

Tính ổn định, phù hợp của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất càng cao thì lực lượng sản xuất càng có khả năng phát triển, nhưng chính sự phát triển của lực lượng sản xuất lại luôn luôn tạo ra khả năng phá vỡ sự thống nhất của những quan hệ sản xuất từ trước đến nay đóng vai trò là hình thức kinh tế - xã hội cho sự phát triển của nó. Những quan hệ sản xuất này, từ chỗ là những hình thức phù hợp và cần thiết cho sự phát triển của các lực lượng sản xuất đã trở thành những hình thức kìm hãm sự phát triển đó, nó đã tạo ra mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, từ đó xuất hiện nhu cầu khách quan phải thiết lập lại mối quan hệ thống nhất giữa chúng.

Như vậy, mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ mâu thuẫn biện chứng giữa nội dung vật chất, kỹ thuật với hình thức kinh tế - xã hội của quá trình sản xuất. Sự vận động của mâu thuẫn này là một quá trình đi từ sự thống nhất đến những khác biệt và đối lập, xung đột, từ đó làm xuất hiện nhu cầu khách quan phải được giải quyết theo nguyên tắc quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Sự tác động của quy luật này tạo ra nguồn gốc và động lực cơ bản nhất đối với sự vận động, phát triển của phương thức sản xuất, nền sản xuất vật chất và do đó là sự vận động, phát triển của toàn bộ đời sống xã hội.

Ý nghĩa phương pháp luận

Vì LLSX quyết định QHSX đối với quá trình sản xuất xã hội, cho nên trong hoạt động thực tiễn cần coi trọng vị trí, vai trò của LLSX đối với QHSX. Muốn thúc đẩy quá trình sản xuất xã hội cần phải phát huy vai trò của LLSX; cần phải ưu tiên, mở đường cho LLSX phát triển tối đa.

Vì QHSX có sự tác động tích cực trở lại đối với LLSX (thể hiện thông qua sự phù hợp và không phù hợp với trình độ LLSX) trong quá trình sản xuất xã hội, cho nên không được xem thường, bỏ qua vai trò này và cần phải biết phát huy vai trò của QHSX nhằm tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho LLSX phát triển.

Phù hợp với sự phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Kinh tế thị trường là thành tựu chung của nền văn minh nhân loại. Nó là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất đến một trình độ nhất định, kết quả của quá trình phân công lao động xã hội và đa dạng hóa các hình thức sở hữu. Đến lượt nó, kinh tế thị trường là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại, vừa phù hợp với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta, với yêu cầu của quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ kết hợp với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

8. Hãy phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội? Vận dụng mối quan hệ này để phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự phát

triển xã hội ở nước ta và luận chứng cho tính tất yếu cải cách nền hành chính quốc gia ở nước ta hiện nay?

- CSHT: Là toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một mô hình thái kinh tế xã hội nhất định. Đặc trưng cho tính chất của CSHT của xã hội là do quan hệ sản xuất thống trị quyết định.

- KTTT: Là toàn bộ tư tưởng xã hội những thiết chế tương ứng và những quan hệ nội tại của KTTT được hình thành trên cơ sở hạ tầng quyết định, KTTT bao gồm: Những tư tưởng xã hội (chính trị, pháp luật, đạo đức tôn giáo, nghệ thuật...) và những tổ chức thiết chế khác nhau (Nhà nước, giáo hội chính Đảng, các đoàn thể...).

Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là hai phương diện cơ bản của đời sống xã hội — đó là phương diện kinh tế và phương diện chính trị - xã hội. Chúng tồn tại trong mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau, tác động lẫn nhau, trong đó cơ sở hạ tầng đóng vai trò quyết định đối với kiến trúc thượng tầng, đồng thời kiến trúc thượng tầng thường xuyên có sự tác động trở lại cơ sở hạ tầng.

a) Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng

Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng được thể hiện trên nhiều phương diện: tương ứng với một cơ sở hạ tầng nhất định sẽ sản sinh ra một kiến trúc thượng tầng phù hợp, có tác dụng bảo vệ cơ sở hạ tầng đó; những biến đổi trong cơ sở hạ tầng tạo ra nhu cầu khách quan phải có sự biến đổi tương ứng trong kiến trúc thượng tầng

Tính chất mâu thuẫn trong cơ sở hạ tầng được phản ánh thành mâu thuẫn trong hệ thống kiến trúc thượng tầng; sự đấu tranh trong lĩnh vực ý thức hệ xã hội và những xung đột lợi ích chính trị - xã hội có nguyên nhân sâu xa từ mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giành lợi ích trong cơ sở kinh tế của xã hội

Giai cấp nắm giữ quyền sở hữu tư liệu sản xuất của xã hội, đồng thời cũng là giai cấp nắm được quyền lực nhà nước trong kiến trúc thượng tầng, còn các giai cấp và tầng lớp xã hội khác ở vào địa vị phụ thuộc đối với quyền lực nhà nước; các chính sách và pháp luật của nhà nước suy đến cùng chỉ là phản ánh nhu cầu thống trị về kinh tế của giai cấp nắm quyền sở hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, V.V.. Như vậy, cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng: kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh đối với cơ sở hạ tầng, phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng.

Tính chất phụ thuộc của kiến trúc thượng tầng vào cơ sở hạ tầng có nguyên nhân từ tính tất yếu kinh tế đối với toàn bộ các lĩnh vực sinh hoạt của xã hội, dù đó là lĩnh vực thực tiễn chính trị, pháp luật.... hay lĩnh vực sinh hoạt tinh thần của xã hội. Tính tất yếu kinh tế lại phụ thuộc vào tính tất yếu của nhu cầu duy trì và phát triển các lực lượng sản xuất khách quan của xã hội.

b) Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

Với tư cách là các hình thức phản ánh và được xác lập do nhu cầu phát triển của kinh tế, các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng có vị trí độc lập tương đối của nó và thường xuyên có vai trò tác động trở lại cơ sở hạ tầng của xã hội.

Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng có thể thông qua nhiều phương thức. Điều đó tùy thuộc vào bản chất của mỗi yếu tố trong kiến trúc thượng tầng, phụ thuộc vào vị trí, vai trò của nó và những điều kiện cụ thể. Tuy nhiên, trong điều kiện kiến trúc thượng tầng có yếu tố nhà nước thì phương thức tác động của các yếu tố khác tới cơ sở kinh tế của xã hội thường phải thông qua yếu tố nhà nước mới có thể thực sự phát huy mạnh mẽ vai trò thực tế của nó. Nhà nước là yếu tố có tác động trực tiếp nhất và mạnh mẽ nhất tới cơ sở hạ tầng của xã hội.

Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng có thể diễn ra theo xu hướng tích cực hoặc tiêu cực. Điều đó phụ thuộc vào sự phù hợp hay không phù hợp của các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng đối với nhu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế; nếu phù hợp nó sẽ có tác dụng tích cực, ngược lại sẽ có tác dụng tiêu cực, kìm hãm và phá hoại sự phát triển kinh tế trong một phạm vi và mức độ nhất định.

Tuy nhiên, sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng dù diễn ra với những xu hướng khác nhau, mức độ khác nhau nhưng rốt cuộc nó không thể giữ vai trò quyết định đối với cơ sở hạ tầng của xã hội; cơ sở hạ tầng của xã hội vẫn tự mở đường đi cho nó theo tính tất yếu kinh tế của nó.

Ý nghĩa phương pháp luận:

- Khi vận dụng mối quan hệ giữa KTTT tức là quan hệ chính trị với kinh tế chúng ta phải xuất phát từ kinh tế coi trọng chính trị nhưng không tuyệt đối hóa mặt kinh tế coi nhẹ yếu tố chính trị sẽ dẫn đến sai lầm của chủ nghĩa duy vật tầm thường.

- Không tuyệt đối hóa yếu tố chính trị coi nhẹ hoặc hạ thấp yếu tố kinh tế sẽ dẫn đến sai lầm của chủ nghĩa chủ quan duy ý chí.

Xuất phát từ mối quan hệ giữa kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, gắn liền với phát triển kinh tế, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phải không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, nâng cao vai trò của các tổ chức quần chúng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đồng thời với phát triển kinh tế, phải phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, phát triển giáo dục, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, theo quan điểm của Đảng ta, đó là quốc sách hàng đầu, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng và dân chủ trong đời sống xã hội.

9. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp, dân tộc, nhân loại và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay?

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp, dân tộc nhân loại

+ Giai cấp: những tập đoàn to lớn, những tập đoàn này khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử. (khác về: đối với tlsx ; vai trò trong tổ chức lao động ; cách hưởng thụ)

+ Đấu tranh g/c : là cuộc đấu tranh giữa các g/c có lợi ích cơ bản đối lập nhau và không thể điều hoà được. Đỉnh cao của đấu tranh g/c là CM xã hội.

Đấu tranh g/c nảy sinh do sự đối lập về lợi ích căn bản và không điều hoà được của các g/c có địa vị khác nhau trong hệ thống SX xã hội nhất định. Thông qua đấu tranh g/c mà mâu thuẫn llsx và qhsx được giải quyết. Trên cơ sở đó thúc đẩy xã hội phát triển.

Dân tộc: là khái niệm chỉ hầu như tất cả các hình thức cộng đồng người trong lịch sử.

Quan hệ giai cấp - dân tộc:

- Vai trò g/c đối với dân tộc:

- + Quan hệ g/c xét cho cùng quy định sự hình thành dân tộc, xu hướng, bản chất xã hội , tính chất quan hệ giữa các dân tộc.
- + Áp bức g/c là cơ sở , nguyên nhân của áp bức dân tộc.
- + Nhân tố g/c là nhân tố cơ bản trong phong trào giải phóng dân tộc.

- Vai trò dân tộc đối với g/c:

- + Vấn đề dân tộc là vấn đề hàng đầu của cmvs.
- + Áp bức dân tộc tác động mạnh mẽ tới áp bức g/c, nuôi dưỡng áp bức g/c, làm sâu sắc thêm áp bức g/c.
- + Đ tranh dân tộc tác động mạnh mẽ tới đấu tranh g/c.
- + Dân tộc là cơ sở của g/c, nuôi dưỡng đấu tranh g/c, tạo cơ sở sức mạnh g/c.

Quan hệ g/c - nhân loại :

Nhân loại là khái niệm chỉ toàn thể cộng đồng người sống trên trái đất, không phân biệt dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, g/c.

+ Các nhà tư tưởng trước Mác họ chưa được tính lịch sử của khái niệm nhân loại, mà chỉ thấy mặt tự nhiên, mặt sinh vật của tính thống nhất nhân loại.

+ CNM cho rằng con người là sinh vật có bản chất xã hội, do đó nhân loại là cộng đồng của những thực thể xã hội.

+ Trong XH có g/c, vấn đề g/c không phải vấn đề riêng của 1 g/c, 1 tầng lớp nào đó, mà là vấn đề của toàn nhân loại. Đấu tranh giải phóng g/c, giải phóng dân tộc bị áp bức là nội dung cơ bản của quá trình giải phóng con người, đưa nhân loại tiến lên. Do vậy, không thể tách rời vấn đề g/c với vấn đề nhân loại.

+ GCCN-sản phẩm của phương thức SX tbcn, đại diện cho llsx tiên tiến, có tính chất xã hội hoá cao-do vậy gccn có bản chất cm và có tính chất quốc tế. Lợi ích của gccn phù hợp với lợi ích nhân loại.

Sự vận dụng của Đảng ta vào Việt Nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay

- Nhân tố quan trọng đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi vẻ vang đó là ĐCSVN đứng đầu là HCM đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại trong từng điều kiện lịch sử cụ thể. Nét đặc biệt nhất của việc giải quyết mối quan hệ đó là gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Mối liên hệ này xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, chi phối các mặt khác của cuộc cách mạng.

- Để tận dụng thời cơ, đẩy lùi thách thức, đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam tiến lên, vấn đề quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại ở Việt Nam cần đảm bảo những nội dung sau:

+ Giải quyết tốt mối quan hệ giai cấp với đoàn kết dân tộc. Trong thời kì quá độ ở nước ta còn giai cấp và đấu tranh giai cấp. Đó là điều tất yếu. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối nhất quán của Đảng ta, cũng nhất quán với tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước hết phải củng cố vững chắc khối liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức. Khối liên minh này phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường với đoàn kết dân tộc. Đây là vấn đề rất phức tạp liên quan đến cả vấn đề giai cấp, dân tộc và nhân loại. Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa tạo điều kiện mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhưng kinh tế thị trường cũng có mặt trái. Đó là sự phân hóa giàu nghèo dẫn đến gia tăng bất bình đẳng trong xã hội, ảnh hưởng đến củng cố khối đoàn kết toàn dân. Quan điểm đúng đắn là phải đảm bảo sự công bằng và bình đẳng xã hội. Như vậy mới không mâu thuẫn với yêu cầu đoàn kết toàn dân tộc

+ Giải quyết mối quan hệ giữa giữ vững độc lập tự chủ với mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc với tranh thủ sức mạnh của thời đại. Đảng xác định: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài.

10. Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nguồn gốc bản chất nhà nước? Nêu các đặc trưng của nhà nước pháp quyền và bản chất nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam? Vai trò của nhà nước pháp quyền XHCN đối với việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Nguồn gốc

- + Lịch sử xã hội loài người đã có thời kỳ chưa có nhà nước. Đó là thời kỳ cộng sản nguyên thủy. Nhà nước ra đời khi xã hội đã phân chia g/c
 - + Nguồn gốc sâu xa của nhà nước chính là do sự phát triển của llsx, trước hết là công cụ lao động. LLSX phát triển đã làm cho chế độ sở hữu tư nhân ra đời, các g/c bóc lột và bị bóc lột xuất hiện. Cuộc đấu tranh giữa chủ nô và nô lệ-hai g/c đối kháng đầu tiên trong lịch sử-dẫn đến nguy cơ huỷ diệt luôn cả xã hội. Để điều này không xảy ra, một cơ quan quyền lực đặc biệt đã ra đời. Đó là nhà nước.
 - + Nguồn gốc trực tiếp xuất hiện nhà nước chính là mâu thuẫn g/c gay gắt không điều hoà được.
- Như vậy, sự ra đời của nhà nước là một yếu tố khách quan để làm cho mâu thuẫn g/c diễn ra trong vòng "trật tự" có thể duy trì chế độ kinh tế -xã hội và g/c thống trị mới.

Bản chất

- + Là nền chuyên chế của g/c này đối với g/c khác và đối với toàn xã hội. Nói khác đi, nhà nước là tổ chức trính trị của g/c thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành phù hợp với lợi ích của mình và đàn áp sự phản kháng của các g/c khác.
- + Trong xã hội có g/c đối kháng, g/c nào thống trị về kinh tế sẽ nắm chính quyền nhà nước trong tay vì chỉ có g/c ấy mới có khả năng vật chất, để tổ chức, duy trì bộ máy nhà nước. G/c bị trị xét về bản chất không có nhà nước.
- + Xét về bản chất, nhà nước chỉ là công cụ chuyên chính của một g/c, không có nhà nước đứng trên g/c, đứng ngoài g/c, là công cụ bảo vệ lợi ích của g/c thống trị về kinh tế nhằm trấn áp các g/c khác và toàn xã hội.

Nhà nước pháp quyền:

a/ Nhà nước pháp quyền: "Nhà nước pháp quyền là một hình thức tổ chức nhà nước đặc biệt mà ở đó có sự ngự trị cao nhất của pháp luật với nội dung thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân.

b/ Những đặc điểm tiêu biểu:

- Ngự trị cao nhất của pháp luật, ko ai được đứng trên luật pháp. Pháp luật không những được đề cao là công cụ chủ yếu để quản lý mọi hoạt động của xã hội và công dân mà còn được xác định là ở địa vị cao nhất, tuyệt đối vượt qua mọi quyền lực của các tổ chức chính trị, xã hội và mỗi công dân trong xã hội đó.
- Quyền lực nhà nước thể hiện lợi ích và ý chí đại đa số nhân dân. Chính vì vậy mà ở các nước theo hình thức tổ chức nhà nước pháp quyền đều thực hiện chế độ dân chủ trong việc thiết lập quyền lực nhà nước, thực hiện chế độ trưng cầu dân ý.
- Bảo đảm thực tế quan hệ hữu cơ về quyền và trách nhiệm giữa nhà nước và công dân. Quyền của công dân thuộc về trách nhiệm của nhà nước và ngược lại, quyền của nhà nước thuộc về trách nhiệm của công dân

Nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam:

a/ Bản chất nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam:

Là Nhà nước của dân, do dân, vì dân; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của một đảng, đó là Đảng cộng sản VN; trên cơ sở liên minh vững chắc giữa g/c cn với g/c ndân và đội ngũ trí thức; là công cụ quyền lực chủ yếu để nhân dân xây dựng một quốc gia dân tộc độc lập XHCN theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

b/ Xây dựng hoàn thiện nhà nước ta trong điều kiện nền kinh tế thị trường... Tính chất xã hội dân sự yêu cầu tự do và sáng tạo của từng cá nhân, là cạnh tranh thực hiện lợi ích kinh tế nên các kế ước các hợp đồng phải được tôn trọng.. Tuy nhiên, sự phân hoá giai cấp giàu nghèo ko thể tránh vì vậy phải có sự giải quyết thích hợp.

Những đặc trưng và vai trò của nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

Thực tiễn phát triển kinh tế thị trường tất yếu dẫn tới nhu cầu khách quan là phải xây dựng và hoàn thiện, tăng cường vai trò của nhà nước. Hơn nữa đó phải là nhà nước pháp quyền, trong đó biểu hiện pháp lý rõ rệt nhất của nó là tính tối thượng của pháp luật trong điều hành và quản lý kinh tế - xã hội.

Cần có sự nghiêm minh và chuẩn xác của các quy định pháp luật trong việc xác định sự đúng, sai của các phạm vi hoạt động kinh tế của mỗi cá nhân, mỗi tổ chức trong xã hội.

Thiếu sự nghiêm minh, chuẩn xác và tối thượng của quyền lực nhà nước theo pháp luật để cai trị thì không thể tạo hành lang pháp lý cần thiết cho phát triển kinh tế thị trường, càng không thể là kinh tế thị trường hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cùng với quá trình phát triển của kinh tế thị trường là quá trình có xu hướng khách quan phân hóa giai cấp và tầng lớp xã hội, tất yếu có nguy cơ tạo lập các mâu thuẫn chính trị, xã hội. Điều này càng đòi hỏi nâng cao vai trò và hoàn thiện bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Dựa trên tư tưởng của các nhà lý luận trên thế giới về nhà nước pháp quyền nói chung; quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng về nhà nước pháp quyền, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có 5 đặc trưng chủ yếu sau:

- Một, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân.
- Hai, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước là trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- Ba, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở hiến pháp, pháp luật. Ở đó hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ trên tất cả mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

- Bốn, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

- Năm, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Chính quyền nhà nước chịu sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên thuộc mặt trận.

11. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về bản chất con người và giải phóng con người? Ý nghĩa của quan điểm này đối với việc phát triển con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta?

Quan điểm của triết học Mác về bản chất con người:

Tiếp thu những hạt nhân hợp lý trong quan niệm của Hê-gen và Phơ-bách và các nhà triết học tiền bối trước Mác về bản chất của con người. Dựa vào những nguyên tắc thế giới quan của CNDVBC, Mác khẳng định: " Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu cá nhân con người riêng biệt trong tính hiện thực của nó, bQuan niệm hoàn chỉnh về con người và bản chất con người, phân biệt hai mặt trong bản chất con người là: mặt sinh học và mặt xã hội.

+ Triết học Mác xem xét bản chất con người một cách toàn diện, cụ thể, không phải chung chung, trừu tượng mà trong tính hiện thực cụ thể của nó trong quá trình phát triển của nó.

+ Con người hoà hợp với giới tự nhiên, là một bộ phận của giới tự nhiên, là kết quả phát triển lâu dài của thế giới vật chất.

+ Con người có tính xã hội: trước hết bản thân hoạt động sản xuất của con người mang tính xã hội. Hoạt động con người gắn liền với xã hội và phục vụ cho cả xã hội. Xã hội cùng với tự nhiên là điều kiện tồn tại của con người. Tính xã hội của con người thể hiện ở hoạt động và giao tiếp xã hội.

+ Bản chất con người được hình thành và phát triển cùng với quá trình lao động, giao tiếp trong đời sống xã hội.

Quan điểm của triết học Mác - Lênin về giải phóng con người

- Triết học Mác nói chung, của triết học về con người trong triết học Mác - Lênin nói riêng là vấn đề giải phóng con người, từ giải phóng những con người cụ thể sẽ tiến đến giải phóng nhân loại.

- Các học thuyết triết học duy tâm và tôn giáo quan niệm giải phóng con người là giải thoát về mặt tâm linh để con người có thể đạt được cuộc sống cực lạc vĩnh cửu ở kiếp sau trong một thế giới khác ngoài tự nhiên - Chỉ là giải phóng ảo tưởng.

- Triết học Mác - Lênin xác định 'bất kỳ sự giải phóng nào cũng bao hàm ở chỗ là nó trả thế giới con người, những quan hệ của con người về với bản thân con người là giải phóng người lao động thoát khỏi lao động bị tha hóa'.

- Giải phóng con người là xóa bỏ người bóc lột người, xóa bỏ tha hóa để con người trở về với chính mình, phát triển bản tính chân chính của mình.

- Lênin nhận định: Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng tỏ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là thực hiện sứ mệnh giải phóng con người.

Phát huy vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới:

- + Con người vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm của lịch sử:
- + Con người là sản phẩm của lịch sử: Chính quá trình lao động và việc sáng tạo ra các công cụ lao động đã là nhân tố quyết định đến sự biến vượn người thành người.
- + Con người là chủ thể của lịch sử: Sau khi xuất hiện, con người đã lao động và cải biến thế giới, bằng tri thức của mình con người đã thay đổi bộ mặt của thế giới vật chất, cùng với sự phát triển của xã hội loài người là sự phát triển của lịch sử, con người trở thành chủ thể của lịch sử. Bởi vì, con người là nhân tố quyết định đến sự phát triển của lịch sử.
- + Sự nghiệp đổi mới nhằm mục tiêu vì hạnh phúc của con người và do con người làm nên.

Để phát huy vai trò nhân tố con người cần thiết phải tiến hành một số nội dung sau:

- Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, tạo ra một hệ thống chính sách, biện pháp và cơ chế vận hành đảm bảo sự phối hợp đúng đắn lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Trong đó, lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống con người, nâng cao trình độ và năng lực lao động, nâng cao tay nghề.
- Tạo ra một môi trường công bằng, dân chủ, quan tâm đến lợi ích của từng người và lợi ích của cả cộng đồng.
- Đảng ta khẳng định: kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, kết hợp lợi ích vật chất với lợi ích tinh thần, chăm lo lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài của nhân dân, kết hợp hài hoà các lợi ích, chú ý lợi ích cá nhân người lao động. Nguồn lực con người là cơ bản nhất của sự nghiệp CNH-HĐH.(coi con người là trung tâm của sự phát triển xã hội).bản chất con người là tổng hoà những mối quan hệ xã hội".

Xây dựng con người trong giai đoạn cách mạng hiện nay:

- Trên lĩnh vực kinh tế: thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- Trên lĩnh vực chính trị: khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trên nền tảng của chủ nghĩa nhằm nâng cao tính tích cực chính trị của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia nhiều hơn vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội
- Trên lĩnh vực xã hội: Giải phóng con người khỏi sự thao túng của các quan hệ xã hội cũ đã lỗi thời, kế thừa truyền thống tốt đẹp, xây dựng hệ thống những chuẩn mực quan hệ mới
- Trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo: giáo dục và đào tạo khoa học công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài

- Trên lĩnh vực văn hóa: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được coi vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

12.